

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO THUỜNG NIÊN²
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG³

1. Tên Trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có):
 - Tên tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
 - Tên tiếng Anh: University of Economics - Technology for Industries
 - Viết tắt: UNETI
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Nhà trường (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
 - Cơ sở tại Nam Định:
 - + Trụ sở chính: Tại số 353 Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định;
 - + Địa điểm đào tạo thực hành: Tại xã Mỹ xá, thành phố Nam Định.
 - Cơ sở tại Hà Nội:
 - + Trụ sở giao dịch: Tại số 456 phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội;
 - + Địa điểm đào tạo: Tại ngõ 454, Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và ngõ 218 đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
 - Cổng thông tin điện tử chính thức của trường: <http://www.uneti.edu.vn>
 - Liên hệ:
 - + Điện thoại: 0243 8621504 và 0228 3848706
 - + Fax: 0243 8623938
3. Loại hình đào tạo, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Công lập; Trực thuộc Bộ Công thương.
4. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi.
 - Sứ mạng:

Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ. Sứ mạng của Nhà trường là thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.
 - Tầm nhìn: Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước.
 - Giá trị cốt lõi:
 - + Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội.
 - + Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng;
 - + Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới;
 - + Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, tiền thân là Trường Trung cấp Kỹ thuật III, được thành lập ngày 25 tháng 6 năm 1956.

Ngày 01/03/1961 Trường được chuyển về địa điểm 353 Trần Hưng Đạo và đổi tên thành Trường Kỹ thuật Trung cấp Công nghiệp nhẹ.

Năm 1965, để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước, sự lớn mạnh của Ngành, cũng như để chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, leo thang ném bom miền Bắc, Nhà trường đã được tách thành 3 trường:

- Trường Trung học Kỹ thuật Cơ khí vật dụng Hà Bắc;
- Trường Trung học Kỹ thuật Muối Đồ Sơn Hải Phòng;
- Trường Trung học Kỹ thuật Dệt Nam Định.

Ngày 25/1/1971; Trường được nhập với Viện Công nghiệp Dệt Sợi thành Viện Dệt Sekou Toure.

Năm 1975, Viện Dệt Sekou Toure được tách ra thành Viện Công nghiệp Dệt Sợi và chuyển về Hà Nội (đồng thời thành lập thêm Phân viện tại Tp. Hồ Chí Minh) và Trường Trung học Kỹ thuật Dệt ở lại Nam Định.

Năm 1982, Bộ Công nghiệp nhẹ đã cho nhập Trường Trung học Giấy Việt Trì, Trường Cán bộ quản lý Bộ Công nghiệp Nhẹ và hệ Trung học May ở Trường May Dâu Keo (Gia Lâm) về Trường, với tên chung là Trường Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định và sau đó vào năm 1991, được đổi tên thành Trường Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định.

Năm 1992, Bộ Công nghiệp Nhẹ tiếp tục sáp nhập Trường Công nhân Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Hà Nội (trước đó là Trường Công nhân thuộc Nhà máy Dệt 8/3) với Trường Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ Nam Định, lấy tên là Trường Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp Nhẹ. Từ đây, Trường có 2 cơ sở: 456 Minh Khai – Hà Nội và 353 Trần Hưng Đạo – Nam Định.

Năm 1996, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ và đến ngày 18/04/1998; Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp I.

Ngày 11/9/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1206/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp I.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: TS. Trần Hoàng Long

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 456 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng thành phố Nam Định.

Số điện thoại: 0243 8621504

Địa chỉ thư điện tử: thlong@uneti.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Nhà trường hoặc phân hiệu của Nhà trường (nếu có);

Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 2518/QĐ-BCT ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Quyết định số 2519/QĐ-BCT ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công nhận, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Quyết định số 2022/QĐ-BCT ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thay thế thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Quyết định số 1959/QĐ-BCT ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thay thế thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Quyết định số 2595/QĐ-BCT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công nhận bổ sung và thay thế thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 ở thời điểm hiện tại:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị
1	PGS. TS. Phạm Thị Thu Hoài	Chủ tịch HĐT, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội khuyến học
2	Ông Trần Việt Hòa	Cục trưởng Cục Điều tiết Điện lực Bộ Công thương
3	TS. Trần Hoàng Long	Phó Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
4	Sinh viên Trần Hồng Minh	SV lớp ĐHKT17A1CL, Ủy viên BCH Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
5	ThS. Vũ Thị Thu Huyền	Đảng ủy viên, Trưởng phòng TCCB, Chủ tịch Công đoàn cơ sở Nam Định, Thư ký HĐT
6	PGS. TS. Hồ Tuấn Anh	Phó trưởng khoa Công nghệ thực phẩm trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
7	TS. Lưu Khánh Cường	Đảng ủy viên, Trưởng khoa Quản trị và Marketing kiêm Giám đốc trung tâm Hợp tác quốc tế trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
8	PGS. TS. Võ Thu Hà	Trưởng khoa Điện - Tự động hóa trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	TS. Phùng Thị Lan Hương	Trưởng khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
10	PGS. TS. Nguyễn Hữu Quang	UVTV Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng kiêm phụ trách khoa Ngoại ngữ trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
11	ThS. Đoàn Văn Đại	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng phòng Thanh tra Pháp chế kiêm Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
12	ThS. Trần Thị Kim Liên	Đảng ủy viên, Trưởng phòng Tài chính Kế toán trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
13	ThS. Lê Mạnh Thắng	Đảng ủy viên, Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
14	TS. Nguyễn Hoàng Chiến	Trưởng khoa Công nghệ thông tin
15	Ông Trần Anh Đức	Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
16	Ông Hồ Lê Nghĩa	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐTV Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
17	TS. Phạm Hồng Quát	Cục trưởng cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học Công nghệ
18	PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ	Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường
19	Ông Trần Quốc Việt	Tổng giám đốc công ty CP tập đoàn Ecopark, Viện trưởng Viện nghiên cứu và ứng dụng QTDN Phó chủ tịch hiệp hội Marketing Việt Nam

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc phân hiệu (nếu có);

- Tiến sĩ Trần Hoàng Long - Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 456/QĐ-BCT ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công nhận đồng chí Trần Hoàng Long tiếp tục giữ chức vụ Hiệu trưởng cho đến hết nhiệm kỳ 2020-2025 trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Quyết định số 525/QĐ-BCT ngày 07 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- PGS. TS. Nguyễn Hữu Quang: Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 05 tháng 09 năm 2022 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- TS. Nguyễn Ngọc Khương: Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của trường;

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 04 tháng 05 năm 2022 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐT ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Chức năng:

(1) Trường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ sau đại học, đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật;

(2) Là cơ sở nghiên cứu, ứng dụng chuyên giao khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

(1) Xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển Trường từng giai đoạn, hàng năm trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

(2) Tuyển dụng, quản lý đội ngũ cán bộ viên chức, xây dựng đội ngũ giảng viên của Trường đủ về số lượng, cân đối về trình độ chuyên môn, ngành nghề, cơ cấu về độ tuổi và giới; đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Công Thương;

(3) Tổ chức các hoạt động đào tạo

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học, đại học và các trình độ thấp hơn thuộc các chương trình đào tạo do Hiệu trưởng ký ban hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, công nhân kỹ thuật bậc cao đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà nước;

- Xác định và mở các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

(4) Tổ chức và thực hiện công tác tuyển sinh, quản lý người học;

(5) Tổ chức nghiên cứu, triển khai hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ; liên kết, hợp tác dịch vụ khoa học và công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

(6) Thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm, xuất khẩu lao động và đưa chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực nghiệm, sản xuất - kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo;

(7) Tổ chức các hoạt động thông tin, in ấn, phát hành các ấn phẩm, tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường theo quy định của pháp luật;

(8) Hợp tác Quốc tế, liên kết, liên thông về đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực;

(9) Tổ chức cho công chức, viên chức và cả người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu xã hội;

(10) Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ quan có thẩm quyền; xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo;

(11) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học công nghệ;

(12) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất; quản lý, sử dụng đúng mục đích cơ sở vật chất, tài sản;

(13) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật. Quản lý và sử dụng đúng các nguồn vốn được Nhà nước, Bộ Công Thương giao và các nguồn huy động khác;

(14) Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Trường; bảo vệ tài sản, bí mật quốc gia, xây dựng và thực hiện các quy chế, biện pháp bảo hộ, an toàn lao động;

(15) Chấp hành pháp luật về giáo dục, thực hiện xã hội hóa giáo dục;

(16) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương giao và theo quy định của Pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

STT	Đơn vị	Quyết định	Ghi chú
I	Các phòng		
1	Phòng Đào tạo	Thành lập theo Quyết định số 280/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	

STT	Đơn vị	Quyết định	Ghi chú
2	Phòng Tổ chức cán bộ	Thành lập theo Quyết định số 90/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 03/3/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Phòng Tổ chức CB-HSSV	
3	Phòng Tài chính kế toán	Thành lập theo Quyết định số 276/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
4	Phòng Khoa - Công nghệ	Thành lập theo Quyết định số 279/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
5	Phòng Hành chính quản trị	Thành lập theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
6	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	- Thành lập theo Quyết định số 91/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 03/3/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Phòng Tổ chức CB-HSSV; - Quyết định đổi tên số 572/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 15/08/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp.	
7	Phòng Thanh tra - Pháp chế	-Thành lập theo Quyết định số 248/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 21/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp. -Quyết định số 666-QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên gọi đơn vị, chức danh cán bộ quản lý và điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, nhân sự giữa các đơn vị thuộc Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
8	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	-Thành lập theo Quyết định số 564/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 01/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở nâng cấp Tổ khảo thí - Quyết định đổi tên số 666-QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên gọi đơn vị, chức danh cán bộ quản lý và điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, nhân sự giữa các đơn vị thuộc Trường Đại học KT-KT Công nghiệp. - Quyết định đổi tên số 54-QĐ-ĐHKTKTCN ngày 22/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT	

STT	Đơn vị	Quyết định	Ghi chú
		Công nghiệp về việc đổi tên Phòng Quản lý chất lượng thành phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.	
9	Phòng Công nghệ Thông tin	Thành lập theo Quyết định số 628/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 01/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
10	Phòng Tuyển sinh và Truyền thông	-Thành lập theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 15/04/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp - Quyết định số 385/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên Trung Tâm Tuyển sinh và tư vấn giới thiệu việc làm thành Phòng Tuyển sinh và Truyền thông	
II	Các Khoa:		
1	Khoa Dệt May & Thời trang	-Thành lập theo Quyết định số 242/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 21/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp - Quyết định số 385/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp về việc đổi tên Khoa Dệt – May và Da giày thành Khoa Dệt may và Thời trang	
2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Thành lập theo Quyết định số 241/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 21/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Thành lập theo Quyết định số 278/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
4	Khoa Cơ khí	Thành lập theo Quyết định số 275/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp	
5	Khoa Điện - Tự động hóa	-Thành lập theo Quyết định số 768/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 31/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Khoa Điện – Điện tử - Quyết định thành lập số 1149/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở bổ sung chức năng, nhiệm vụ Khoa Điện	

STT	Đơn vị	Quyết định	Ghi chú
6	Khoa Điện tử và kỹ thuật máy tính	-Thành lập theo Quyết định số 769/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 31/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học KT-KT Công nghiệp trên cơ sở tách ra từ Khoa Điện – Điện tử	

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Nhà trường (nếu có).

Nơi làm việc: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Điện thoại: 0243 8621504

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Hoàng Long	Phó Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	thlong@uneti.edu.vn
2	PGS. TS. Phạm Thị Thu Hoài	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT	Hội đồng trường	ptthoi@uneti.edu.vn
3	PGS. TS. Nguyễn Hữu Quang	UVTV ĐU, Phó Hiệu trưởng, kiêm phụ trách khoa Ngoại ngữ và TT NNTH	Ban Giám Hiệu	nhquang@uneti.edu.vn
4	TS. Nguyễn Ngọc Khương	ĐUV, Phó Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	ngkhuong@uneti.edu.vn
5	ThS. Đoàn Văn Đại	Phó BT Đảng ủy, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế kiêm PGĐ phụ trách TT GDQPAN	Phòng Thanh tra - Pháp chế	dvdai@uneti.edu.vn
6	ThS. Trần Ngọc Ban	UVTV ĐU, Trưởng phòng Hành chính quản trị	Phòng Hành chính quản trị	tnban@uneti.edu.vn
7	ThS. Lê Mạnh Thắng	ĐUV, Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	lmthang@uneti.edu.vn
8	ThS. Trần Thị Kim Liên	ĐUV, Trưởng phòng Tài chính kế toán	Phòng Tài chính kế toán	ttklien@uneti.edu.vn
9	ThS. Vũ Thị Thu Huyền	ĐUV, Trưởng Phòng TCCB, Chủ tịch CĐ CS Nam Định	Phòng TCCB	vtthuyen@uneti.edu.vn
10	TS. Lưu Khánh Cường	ĐUV, Trưởng khoa QT& Marketing, kiêm phụ trách Trung tâm Hợp tác quốc tế	Khoa QT& Marketing	lkcuong@uneti.edu.vn

11	ThS. Nguyễn Ngọc Toàn	ĐUV, Chủ tịch CĐ CS Hà Nội, Phó trưởng Phòng TCCB	Phó trưởng Phòng TCCB	nntoan@uneti.edu.vn
12	TS. Trần Thị Hoàng Yến	ĐUV, Trưởng khoa KHUD	Khoa KHUD	tthyen@uneti.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Trường Giang	ĐUV, phụ trách Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	ntgiang@uneti.edu.vn
14	ThS. Vũ Hồng Thanh	ĐUV, Trưởng phòng TS&TT	Phòng TS&TT	vhthanh@uneti.edu.vn
15	TS. Nguyễn Thị Hà	ĐUV, Giám đốc TT Thư viện	TT Thư viện	ntha@uneti.edu.vn
16	CN. Đào Văn Đường	Phó trưởng phòng HCQT	Phòng HCQT	dvduong@uneti.edu.vn
17	ThS. Phạm Thị Minh Hoa	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	ptmhoa@uneti.edu.vn
18	TS. Dương Thế Việt	Phó trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL	Phòng Khảo thí & ĐBCL	dtviet@uneti.edu.vn
19	CN. Vũ Minh Đức	Phó trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL	Phòng Khảo thí & ĐBCL	vmduc@uneti.edu.vn
20	ThS. Nguyễn Như Vĩnh	Phó trưởng phòng CT&CTSV	Phòng CT&CTSV	nnvinh@uneti.edu.vn
21	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Công nghệ thông tin	Phòng Công nghệ thông tin	nvhoa@uneti.edu.vn
22	TS. Hoàng Anh Tuấn	Phó trưởng phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	hatuan@uneti.edu.vn
23	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Khoa học - Công nghệ	Phòng Khoa học - Công nghệ	ntanh@uneti.edu.vn
24	TS. Đỗ Thị Minh Hạnh	Phó trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	Phòng Khoa học - Công nghệ	dtmhanh@uneti.edu.vn
25	TS. Hoàng Thị Huyền	Phó trưởng phòng TCKT	Phòng TCKT	hthuyen@uneti.edu.vn
26	ThS. Nguyễn Thị Diệu Hiền	Phó trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế	Phòng Thanh tra - Pháp chế	ntdhuyen@uneti.edu.vn
27	ThS. Lê Thanh Tùng	GD TT Quản lý xây dựng và DV	TT Quản lý xây dựng và DV	littung@uneti.edu.vn
28	ThS. Vũ Sinh	PGĐ TT Quản lý xây	TT Quản lý	vsluong@uneti.edu.vn

	Lương	dựng và DV	xây dựng và DV	
29	ThS. Thân Văn Diễm	PGĐ TT Thư viện	TT Thư viện	tvdien@uneti.edu.vn
30	ThS. Trần Thị Mỹ Linh	Phó GD TT HTQT	TT HTQT	ttmlinh@uneti.edu.vn
31	ThS. Đào Anh Tuấn	Phó trưởng khoa phụ trách khoa DM & TT	Khoa DM & TT	datuan@uneti.edu.vn
32	TS. Đặng Thị Thanh Quyên	Trưởng Khoa CNTP kiêm phụ trách Trung tâm CNSH&VSATTP	Khoa CNTP	dt Quyên@uneti.edu.vn
33	PGS. TS. Hồ Tuấn Anh	Phó trưởng khoa CNTP	Khoa CNTP	htanh@uneti.edu.vn
34	TS. Nguyễn Hoàng Chiến	Trưởng khoa CNTT	Khoa CNTT	nhchien@uneti.edu.vn
35	ThS. Cao Ngọc Ánh	Phó trưởng khoa CNTT	Phó trưởng khoa CNTT	cnanh@uneti.edu.vn
36	PGS. TS. Võ Thu Hà	Trưởng khoa Điện - Tự động hóa	Khoa Điện - Tự động hóa	vtha@uneti.edu.vn
37	ThS. Trần Ngọc Sơn	Phó trưởng khoa Điện - Tự động hóa	Khoa Điện - Tự động hóa	tnson@uneti.edu.vn
38	TS. Bùi Huy Hải	Trưởng khoa Điện tử và Kỹ thuật máy tính	Khoa Điện tử và Kỹ thuật máy tính	bhhai@uneti.edu.vn
39	ThS. Châu Thanh Phương	Phó trưởng khoa Điện tử và Kỹ thuật máy tính	Khoa Điện tử và Kỹ thuật máy tính	ctphuong@uneti.edu.vn
40	TS. Nguyễn Thành Huân	Phó trưởng khoa phụ trách khoa Cơ khí	Khoa Cơ khí	nthuan@uneti.edu.vn
41	TS. Phạm Vũ Dũng	Phó trưởng khoa Cơ khí	Khoa Cơ khí	pvdung@uneti.edu.vn
42	TS. Phạm Thị Lụa	Trưởng Khoa Kế toán - Kiểm toán kiêm phụ trách khoa Du lịch và Khách sạn	Khoa Kế toán - Kiểm toán	ptlua@uneti.edu.vn
43	TS. Đinh Thị Kim Xuyên	Phó trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	dtkxuyen@uneti.edu.vn
44	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phó trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	ntnlan@uneti.edu.vn
45	TS. Nguyễn Thị Chi	Trưởng khoa Thương mại	Khoa Thương mại	ntchi@uneti.edu.vn

46	TS. Nguyễn Thị Phương	Phó trưởng khoa Thương mại	Khoa Thương mại	ntphuong@uneti.edu.vn
47	TS. Phùng Thị Lan Hương	Trưởng khoa TC-NH & BH	Khoa TC-NH & BH	ptlhuong@uneti.edu.vn
48	TS. Vũ Thị Thục Oanh	Phó trưởng khoa TC-NH & BH	Khoa TC-NH & BH	vttoanh@uneti.edu.vn
49	ThS. Nguyễn Ngọc Minh	Phó trưởng khoa Du lịch và Khách sạn	Khoa Du lịch và Khách sạn	nnminh@uneti.edu.vn
50	ThS. Phương Mai Anh	Phó trưởng khoa Du lịch và Khách sạn	Khoa Du lịch và Khách sạn	pmanh@uneti.edu.vn
51	ThS. Mai Thị Lựa	Phó trưởng khoa Quản trị và Marketing	Khoa Quản trị và Marketing	mtlua@uneti.edu.vn
52	Ths. Phạm Trung Hải	Phó trưởng khoa Quản trị và Marketing	Khoa Quản trị và Marketing	pthai@uneti.edu.vn
53	ThS. Nguyễn Văn Bằng	Phó trưởng khoa, phụ trách Khoa LLCT & PL	Khoa LLCT & PL	nvbang@uneti.edu.vn
54	ThS. Ngô Thị Mai	Phó trưởng Khoa LLCT & PL	Khoa LLCT & PL	ntmai@uneti.edu.vn
55	TS. Cao Diệp Thắng	Phó trưởng khoa KHUD	Khoa KHUD	cdthang@uneti.edu.vn
56	TS. Chu Bình Minh	Phó trưởng khoa KHUD	Khoa KHUD	cbminh@uneti.edu.vn
57	ThS. Vũ Việt Phương	Phó trưởng Khoa NN	Khoa NN	vvphuong@uneti.edu.vn
58	TS. Phạm Cao Cường	Trưởng khoa GDTC	Khoa GDTC	pccuong@uneti.edu.vn
59	TS. Trần Trọng Thân	Phó trưởng khoa GDTC	Khoa GDTC	ttthan@uneti.edu.vn
60	ThS. Hoàng Thị Minh Lý	Phó giám đốc TT Ngoại ngữ - tin học	TT Ngoại ngữ - tin học	htmly@uneti.edu.vn
61	CN. Trần Xuân Hà	Chủ tịch hội CCB	Chủ tịch hội CCB	txha@uneti.edu.vn
62	ThS. Giáp Văn Dương	UVTV BCH Đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM	Bí thư Đoàn TNCSHCM, Chủ tịch Hội SV	gvduong@uneti.edu.vn

8. Các văn bản khác: Chiến lược phát triển; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu

hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Quyết định số 59/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Nghị quyết số 21a/NQ-HĐT ngày 05 tháng 08 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tài chính của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Quyết định số 221/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 08 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và công tác cán bộ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Nhà trường:

<https://uneti.edu.vn/category/tuyen-dung/>

- Các quy định, quy chế nội bộ khác:

<https://tracuuvanban.uneti.edu.vn/>

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	27.51	21.88
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	85.11	84.5
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	22.7	16.26

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	Giảng viên toàn thời gian	711	0	550	161	26	2
1	Nhân Văn	26	0	23	3	0	0
2	Kinh Doanh và Quản lý	268	0	203	65	10	1
3	Toán và thống kê	19	0	17	2	0	0
4	Máy tính và CNTT	102	0	79	23	2	0
5	Công nghệ kỹ thuật	197	0	148	49	9	1
6	Sản xuất chế biến	70	0	54	16	4	0
7	Du lịch, khách sạn, TDTT và DV cá nhân	29	0	26	3	1	0
II	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	665	0	535	130	7	0
1	Nhân Văn	25	0	22	3	0	0
2	Kinh Doanh và Quản lý	249	0	199	50	1	0
3	Toán và thống kê	17	0	16	1	0	0

4	Máy tính và CNTT	97	0	78	19	0	0
5	Công nghệ kỹ thuật	186	0	144	42	4	0
6	Sản xuất chế biến	63	0	50	13	2	0
7	Du lịch, khách sạn, TDTT và DV cá nhân	28	0	26	2	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	27	
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	174	
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	28.2	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	14.217	16.583
2	Diện tích sàn/người học (m2)	2.99	2.21
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	98.9	98
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	172	172
5	Số bản sách/người học	9.4	2.99
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	74.14	74.14
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	750	750

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Cơ sở Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	17.449	32.136
		Phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định	246.828	5.807
2	Cơ sở Hà Nội	454 Minh Khai – HBT – Hà Nội	5.385	7.649
		456 Minh Khai – HBT – Hà Nội	428	2.628
		ngõ 218 Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội	20.480	52.846
Tổng cộng			288.831	101.066

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới		
1.1	Thư viện cơ sở Nam Định	353 Trần Hưng Đạo – Nam Định	14.993
1.2	Làm nhà để xe cho CBVC-NLĐ cơ sở 353 Trần	353 Trần Hưng Đạo	935

	Hung Đạo - Nam Định		
1.3	Làm nhà để xe cho sinh viên và cảnh quan xung quanh tại cơ sở 353 THĐ, Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	924
1.4	San nền, cảnh quan đường giao thông nội bộ	Mỹ Xá – Nam Định	14.754
2	Nâng cấp		
2.1	Cải tạo phòng 802, 805 nhà 456 Minh Khai	456 Minh Khai	941
2.2	Cải tạo, sửa chữa phòng học, phòng làm việc cơ sở Lĩnh Nam	218 Lĩnh Nam	916
2.3	Sửa chữa phòng 501,503,505, 1305, 1307, 1309, 1311 nhà HA10 và một số công việc khác	218 Lĩnh Nam	919
2.4	Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc, cảnh quan tại 456 Minh Khai	456 Minh Khai	840
2.5	Cải tạo phòng 801, 803 tòa nhà 456 Minh Khai	456 Minh Khai	975
2.6	Cải tạo cảnh quan, các công việc sửa chữa nhỏ tại 454 Minh Khai	454 Minh Khai	787
2.7	Thi công mái tôn nhà HA8 cơ sở Lĩnh Nam	218 Lĩnh Nam	950
2.8	Sửa chữa, cải tạo cảnh quan, sửa chữa nhỏ tại Lĩnh Nam	218 Lĩnh Nam	866
2.9	Làm nhà đa năng 353 Trần Hưng Đạo	353 Trần Hưng Đạo	912
2.10	Phá dỡ tường bao, các kiot đường Trường Chinh và Trần Hưng Đạo - Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	686
2.11	Cải tạo, sửa chữa tường rào, Mở cổng số 2 ra đường Trường Chinh tại cơ sở 353 Trần Hưng Đạo, Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	856
2.12	Xây dựng làm đế móng cột điện giữa lòng hồ tại cơ sở Mỹ Xá - Nam Định	Mỹ Xá - Nam Định	687
2.13	Cải tạo, sửa chữa mặt ngoài phía sau nhà NA3 tại cơ sở 353 THĐ, Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	910
2.14	Thi công lắp đặt điều hòa không khí tại cơ sở 353 Trần Hưng Đạo và Mỹ Xá	353 Trần Hưng Đạo	915
2.15	Sửa chữa tường rào tại cơ sở Mỹ Xá, Nam Định	Mỹ Xá - Nam Định	692
2.16	Làm nhà để xe ô tô tại cơ sở 353 Trần Hưng Đạo, Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	974
2.17	Cải tạo, sửa chữa phòng học cơ sở 353 Trần Hưng Đạo, Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	894
2.18	Cải tạo cảnh quan cơ sở 353 Trần Hưng Đạo, Nam Định	353 Trần Hưng Đạo	845
2.19	Cải tạo, làm phòng họp nhà N.C2 cơ sở 353 Trần Hưng Đạo - ND	353 Trần Hưng Đạo	868
2.20	Cải tạo, sửa chữa KTX phục vụ sinh hoạt của sinh viên học QP-AN	Mỹ Xá - Nam Định	894
Tổng cộng			48.993

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - (CEA-AVU&C)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 đến ngày 14 tháng 6 năm 2028

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	06/03/2020
2	7340301	Kế toán	Kế toán	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	06/03/2020
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	06/03/2020
4	7540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	24/04/2020
5	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	24/04/2020
6	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	24/04/2020
7	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	08/10/2020
8	7540204	Công nghệ dệt, may	Công nghệ dệt, may	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	08/10/2020
9	7510302	Công nghệ kỹ thuật ĐTVT	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	08/10/2020
10	7340121	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	26/05/2022
11	7510303	CNKT Điều khiển & TĐH	CNKT Điều khiển & tự động hoá	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	26/05/2022
12	7540202	Công nghệ sợi, dệt	Công nghệ sợi, dệt	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
14	7510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
15	7480102	Mạng máy tính và TTDL	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024
16	8540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	02/01/2024

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Ghi chú
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	85.4%	
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	111.2%	
3	Tỉ lệ thôi học	3.94%	
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	7.86%	
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	69.1%	
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	64.0%	
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	93.0%	
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	92.5%	
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	97.8%	

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học	20181	5876	3824	98.75
1	Nhân Văn	774	190	180	99.5
2	Kinh Doanh và Quản lý	8619	2401	3644	99.42
3	Toán và thống kê	333	180	0	0
4	Máy tính và CNTT	3016	734	548	99.71
5	Công nghệ kỹ thuật	5060	1579	1017	98.83
6	Sản xuất chế biến	1528	439	294	99.8
7	Du lịch, khách sạn, TDTT và DV cá nhân	851	353	24	95.24
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	142		27	100
1	Kinh Doanh và Quản lý	61		12	100
2	Công nghệ kỹ thuật	68		11	100
3	Sản xuất chế biến	13		4	100

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Ghi chú
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0.4%	
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,9	
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0.1	

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	01	111.115.963
3	Đề tài cấp tỉnh	01	272.818.000
4	Đề tài nhóm nghiên cứu trọng điểm	03	450.000.000

5	Đề tài cấp cơ sở	123	2.951.652.000
6	Đề tài sinh viên	122	756.400.000
7	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	05	833.933.963
8	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	255	5,375,919,926

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	542	539
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	81	67
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	1	1
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	6	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Ghi chú
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	13.48	
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	3.75	

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	484.082	426.235
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	2.896	3.312
II	Thu giáo dục và đào tạo	480.166	421.973
1	Học phí, lệ phí từ người học	480.166	421.973
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0	0
III	Thu khoa học và công nghệ	1.02	0.95
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	1.02	0.95
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	410.901	410.902
I	Chi lương, thu nhập	234.735	201.651
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	166.253	143.102
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	68.482	58.549
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	142.658	173.253

1	Chi cho đào tạo	122.856	137.299
2	Chi cho nghiên cứu	12.994	29.038
3	Chi cho phát triển đội ngũ	3.07	1.21
4	Chi phí chung và chi khác	3.738	5.699
III	Chi hỗ trợ người học	33.508	26.998
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	31467	25.198
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0.408	0.36
3	Chi hoạt động khác	1.633	1.44
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	73.18	24.33

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Hoàng Long

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung thông tin theo yêu cầu.

² Trường cao đẳng có đào tạo ngành GDMN trình độ cao đẳng thực hiện báo cáo này đối với các nội dung có liên quan.

³ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Văn bản này.

⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁵ Ghi cụ thể năm báo cáo (2025, 2026...)

⁶ Ghi năm trước liền kề năm báo cáo (2024, 2025...)

⁷ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

⁸ Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹⁰ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹¹ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu.

¹² Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

¹³ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.

¹⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹⁵ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹⁶ Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư.

¹⁷ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.